

Phụ lục
DANH MỤC KỸ THUẬT ĐƯỢC PHÉP THỰC HIỆN TẠI PHÒNG
KHÁM CHUYÊN KHOA NỘI - QC 108 - HN THUỘC HỘ KINH DOANH
NGUYỄN ĐÌNH QUANG

(Kèm theo Quyết định số 227/QĐ-SYT ngày 03/02/2026 của Sở Y tế)

TT	Phụ lục số 01 Thông tư số 23/2024/TT-BYT			
	Mã kỹ thuật (Cột 2)	Mã kỹ thuật (Cột 2)	Mã kỹ thuật (Cột 2)	Tên kỹ thuật (cột 4)
1.	92	1.158	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản
2.	94	1.251	01.HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)
3.	551	2.349	02. NỘI KHOA	Hút dịch khớp gối
4.	552	2.350	02. NỘI KHOA	Hút dịch khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm
5.	553	2.351	02. NỘI KHOA	Hút dịch khớp háng
6.	554	2.352	02. NỘI KHOA	Hút dịch khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm
7.	555	2.353	02. NỘI KHOA	Hút dịch khớp khuỷu
8.	556	2.354	02. NỘI KHOA	Hút dịch khớp khuỷu dưới hướng dẫn của siêu âm
9.	557	2.355	02. NỘI KHOA	Hút dịch khớp cổ chân
10.	558	2.356	02. NỘI KHOA	Hút dịch khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm
11.	559	2.357	02. NỘI KHOA	Hút dịch khớp cổ tay
12.	560	2.358	02. NỘI KHOA	Hút dịch khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm
13.	561	2.359	02. NỘI KHOA	Hút dịch khớp vai
14.	562	2.360	02. NỘI KHOA	Hút dịch khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm
15.	563	2.361	02. NỘI KHOA	Hút nang bao hoạt dịch
16.	564	2.362	02. NỘI KHOA	Hút nang bao hoạt dịch dưới

				hướng dẫn của siêu âm
17.	581	2.363	02. NỘI KHOA	Hút ổ viêm/áp xe phần mềm
18.	582	2.364	02. NỘI KHOA	Hút ổ viêm/áp xe phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm
19.	526	2.373	02. NỘI KHOA	Siêu âm khớp (một vị trí)
20.	527	2.381	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp gối
21.	528	2.382	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp hang
22.	529	2.383	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp cổ chân
23.	530	2.384	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp bàn ngón chân
24.	531	2.385	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp cổ tay
25.	532	2.386	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp bàn ngón tay
26.	533	2.387	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp đốt ngón tay
27.	534	2.388	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp khuỷu tay
28.	535	2.389	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp vai
29.	536	2.390	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp ức đòn
30.	537	2.391	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp ức - sườn
31.	538	2.392	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp đòn - cùng vai
32.	539	2.393	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp thái dương hàm
33.	540	2.394	02. NỘI KHOA	Tiêm ngoài màng cứng
34.	541	2.395	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp cùng chậu
35.	542	2.396	02. NỘI KHOA	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (mỏm trâm trụ)
36.	610	2.397	02. NỘI KHOA	Tiêm điểm bám gân lõi cầu trong (lõi cầu ngoài) xương cánh tay
37.	611	2.398	02. NỘI KHOA	Tiêm điểm bám gân quanh khớp gối
38.	612	2.399	02. NỘI KHOA	Tiêm hội chứng DeQuervain
39.	613	2.400	02. NỘI KHOA	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay
40.	614	2.401	02. NỘI KHOA	Tiêm gân gấp ngón tay
41.	615	2.402	02. NỘI KHOA	Tiêm gân nhị đầu khớp vai

42.	616	2.403	02. NỘI KHOA	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai)
43.	617	2.404	02. NỘI KHOA	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai
44.	618	2.405	02. NỘI KHOA	Tiêm điểm bám gân mỏm trâm quay (trâm trụ)
45.	619	2.406	02. NỘI KHOA	Tiêm gân gót
46.	620	2.407	02. NỘI KHOA	Tiêm cân gan chân
47.	621	2.408	02. NỘI KHOA	Tiêm cạnh cột sống cổ
48.	622	2.409	02. NỘI KHOA	Tiêm cạnh cột sống thắt lưng
49.	623	2.410	02. NỘI KHOA	Tiêm cạnh cột sống ngực
50.	624	2.411	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm
51.	625	2.412	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm
52.	626	2.413	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm
53.	627	2.414	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp bàn ngón chân dưới hướng dẫn của siêu âm
54.	628	2.415	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm
55.	629	2.416	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp bàn ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm
56.	630	2.417	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp đốt ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm
57.	631	2.418	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp khuỷu tay dưới hướng dẫn của siêu âm
58.	632	2.419	02. NỘI KHOA	Tiêm khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm
59.	637	2.424	02. NỘI KHOA	Tiêm hội chứng DeQuervain dưới hướng dẫn của siêu âm
60.	638	2.425	02. NỘI KHOA	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm
61.	639	2.426	02. NỘI KHOA	Tiêm gân gấp ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm

62.	640	2.427	02. NỘI KHOA	Tiêm gân nhị đầu khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm
63.	641	2.428	02. NỘI KHOA	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai) dưới hướng dẫn của siêu âm
64.	642	2.429	02. NỘI KHOA	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm
65.	643	3.105	03. NHI KHOA	Thổi ngạt
66.	644	3.106	03. NHI KHOA	Bóp bóngambu qua mặt nạ
67.	645	3.2387	03. NHI KHOA	Tiêm trong da
68.	646	3.2388	03. NHI KHOA	Tiêm dưới da
69.	647	3.2389	03. NHI KHOA	Tiêm bắp thịt
70.	648	3.2390	03. NHI KHOA	Tiêm tĩnh mạch
71.	649	3.2391	03. NHI KHOA	Truyền tĩnh mạch
72.	650	3.3909	03. NHI KHOA	Trích rạch áp xe nhỏ
73.	651	3.3910	03. NHI KHOA	Trích hạch viêm mũi
74.	62	3.3911	03. NHI KHOA	Thay băng, cắt chỉ

Tổng: 74 danh mục.